|  |  |
| --- | --- |
| TR­ƯỜNG THCS GIA THỤY**TỔ HÓA – SINH – ĐỊA** | **ĐỀ CƯ­ƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I****MÔN: HÓA HỌC 8****Năm học: 2020 - 2021** |

**I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

**1. Kiến thức: HS**

**-** Biết được khái niệm nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất, phản ứng hoá học, mol, khối lượng mol và thể tích mol chất khí.

- Phân biệt được hiện tượng vật lí và hiện tượng hoá học.

- Hiểu được các bước để lập phương trình hoá học và xác định được tỉ lệ số nguyên tử, phân tử của các chất trong phản ứng.

- Hiểu được cách tính theo công thức hoá học để xác định được phần trăm các nguyên tố trong công thức hoá học và lập công thức hoá học khi biết phần trăm khối lượng các nguyên tố trong hợp chất.

- Vận dụng được các công thức chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và lượng chất và định luật bảo toàn khối lượng để làm bài tập tính toán.

- Vận dụng các kiến thức về phản ứng hoá học và điều kiện xảy ra phản ứng hoá học để giải quyết các vấn đề thực tế.

**2. Kĩ năng:**

**-** Lập phương trình hoá học.

- Tính theo CTHH và định luật bảo toàn khối lượng.

- Vận dụng các công thức chuyển đổi n, m V.

**3. Thái độ:** Học tập nghiêm túc, chăm chỉ, cẩn thận.

**4. Năng lực HS:**

- Năng lực nhận biết hiện tượng thí nghiệm, sử dụng ngôn ngữ hóa học.

- Năng lực tính toán.

- Năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế

**II.** **PHẠM VI ÔN TẬP**

**-** Chương I: Chất - Nguyên tử - phân tử

**-** Chương II: Phản ứng hoá học

**-** Chương III: Mol, các công thức chuyển đổi, tính theo CTHH

**III. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**A. Lí thuyết**

1. Khái niệm: nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất, hiện tượng vật lí với hiện tượng hoá học, phản ứng hoá học, định luật bảo toàn khối lượng, mol, khối lượng mol, thể tích mol chất khí.

2. Các bước lập PTHH, lập CTHH.

3. Các công thức tính toán: định luật bảo toàn khối lượng, công thức chuyển đổi n, m V

4. Tính phần trăm khối lượng các nguyên tố khi biết công thức hóa học và lập CTHH khi biết phần trăm khối lượng các nguyên tố trong hợp chất.

5. Cách tiến hành và hiện tượng thí nghiệm trong bài thực hành số 1,3

**B. Các dạng bài tập ví dụ**

**Bài 1.** Cho sơ đồ các phản ứng hóa học sau :

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Al + Cl2 ----> AlCl3 2. Fe+ O2 ----> Fe3O4 3. Al(OH)3 ----> Al2O3 + H2O4. FeS2 + O2 ----> Fe2O3 + SO25. Zn + HCl ----> ZnCl2 + H2 | 6. HCl + Fe2O3 ----> FeCl3 + H2O7. FeSO4 + Na­OH----> Na2SO4 + Fe(OH)28. Ca(OH)2 + HCl --> CaCl2 + H2O9. CxHy + O2 -----> CO2 + H2O10. FexOy + CO ----> FeO + CO2 |

Lập phương trình hóa học và cho biết tỉ lệ số nguyên tử, số phân tử của các chất trong mỗi phản ứng trên

**Bài 2.** Tính thành phần phần trăm mỗi nguyên tố trong các CTHH sau: Na2O,  Al(OH)3, K2SO4, Fe2(SO4)3

**Bài 3.** Hợp chất A được tạo bởi hai nguyên tố S và O trong đó S chiếm 40% về khối lượng, Biết 6,72 lít hợp chất A (ở đktc) có khối lượng là 24 gam. Xác định công thức hoá học của hợp chất A.

**Bài 4.** Hợp chất B có thành phần % về khối lượng của các nguyên tố: 40%Cu, 20%S còn lại là O. Biết 0,2 mol hợp chất B nặng 32 gam. Xác định CTHH của hợp chất B.

**Bài 5.** Câu hỏi liên hệ thực tế về phản ứng hoá học và điều kiện xảy ra phản ứng hoá học

*Gia Thụy, ngày 2/ 12 / 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***BGH duyệt******Phạm Thị Hải Vân*** | ***Tổ duyệt******Nguyễn Thị Phương Thảo*** | ***Người ra đề cương:******Nguyễn Hồng Khanh*** |